

NHỮNG ĐỘNG THÁI CỦA TRUNG HOA DÂN QUỐC ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN QUÂN ĐỘI TRUNG QUỐC VÀO GIẢI GIÁP QUÂN NHẬT (8/1945 - 9/1946)

NGUYỄN THANH TIẾN*

Khi quân đội Trung Quốc vào Việt Nam dưới danh nghĩa tiếp nhận sự đầu hàng của quân Nhật thì cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8/1945 ở Việt Nam đã thành công, Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được thành lập. Việt Nam đã có tư cách một quốc gia độc lập để tiếp đón quân Trung Quốc. Tuy nhiên, khi đưa quân vào Việt Nam, chính phủ Trung Hoa Dân Quốc không chỉ đơn thuần làm nhiệm vụ giải giáp Nhật mà còn nhân cơ hội này để tìm kiếm những lợi ích về chính trị, kinh tế thông qua việc xử lý các mối quan hệ Hoa - Việt, Hoa - Pháp. Vì vậy, trong thời gian đưa quân vào Việt Nam, Trung Hoa Dân Quốc đã có những động thái gây ảnh hưởng phức tạp đến chính trị ở Việt Nam. Đồng thời, những động thái này cũng cho thấy chính quyền Tưởng Giới Thạch luôn đứng trên quyền lợi của mình để giải quyết các vấn đề liên quan đến độc lập của Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Từ khóa: Trung Hoa Dân Quốc, giải giáp quân Nhật, Đông Dương

Nhận bài ngày: 16/1/2018; *đưa vào biên tập:* 18/1/2018; *phản biện:* 5/2/2018; *duyet đăng:* 25/2/2018

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau khi Nhật đầu hàng (tháng 8/1945), theo thỏa thuận của các nước Đồng minh chống phát xít, việc giải giáp và

tiếp nhận sự đầu hàng của quân Nhật ở Đông Dương sẽ do quân đội Trung Hoa Dân Quốc và quân đội Anh đảm trách. Quân đội Trung Hoa Dân Quốc sẽ đảm nhiệm việc giải giáp quân Nhật ở phía bắc vĩ tuyến 16. Phía nam vĩ tuyến 16 thuộc phạm vi trách nhiệm của quân Anh. Ở Việt Nam, quân đội

* Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Trung Hoa Dân Quốc (quân đội Tưởng Giới Thạch) đã kéo vào đóng ở Hà Nội và hầu hết các thành phố, thị xã từ biên giới Việt - Trung đến bắc vĩ tuyến 16.

Cho đến nay, đã có nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đưa ra những phân tích, đánh giá về những tác động tiêu cực khi Trung Hoa Dân Quốc đưa quân vào Việt Nam. Tuy nhiên, cũng có những quan điểm ngược lại, nhấn mạnh mặt “tích cực” của sự kiện này - như bài viết của một nhà nghiên cứu nước ngoài trong thời gian gần đây. Tác giả này cho rằng lập trường của chính quyền Trung Hoa Dân Quốc là “chân thành ủng hộ Việt Nam độc lập... trước sau không hề có dã tâm xâm lược, thôn tính Việt Nam” (Zhao Weihua (赵卫华), 2015: 140); rằng các tướng lĩnh của Tưởng đóng ở Việt Nam, trực tiếp là Xiao Wen (Tiêu Văn) đã có vai trò thúc đẩy sự “hòa giải”, thành lập Chính phủ Liên hiệp giữa Việt Quốc, Việt Cách và Việt Minh và đánh giá đây là điều “cực kỳ có lợi cho sự đoàn kết đối ngoại của Việt Nam lúc bấy giờ” (Zhao Weihua (赵卫华), 2015: 139). Trong bài viết này, người viết góp phần phân tích chủ trương và các hoạt động của Trung Hoa Dân Quốc trong thời gian đưa quân vào Việt Nam giải giáp Nhật (8/1945 - 3/1946)⁽¹⁾, với mong muốn làm sáng tỏ thêm một vài khía cạnh xung quanh vấn đề nêu trên.

2. VÀI NÉT VỀ CHỦ TRƯỞNG CỦA CHÍNH PHỦ TRUNG HOA DÂN QUỐC

ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

Việt Nam nằm tiếp giáp với phía tây nam của Trung Quốc. Hai nước Trung - Việt có quan hệ lịch sử, văn hóa lâu đời. Trong thời kỳ Việt Nam bị Pháp thống trị, Trung Quốc cũng có mối quan hệ với chính quyền thực dân và có những quyền lợi nhất định ở nơi đây. Ví dụ như tuyến đường sắt Vân Nam - Hải Phòng và cảng Hải Phòng của Việt Nam là tuyến đường tiếp tế/vận chuyển quan trọng cho Trung Quốc ở tây nam; Việt Nam là nơi có số lượng Hoa kiều sinh sống khá đông đảo. Ngoài ra, do lãnh thổ tiếp giáp nhau, diễn biến tình hình chính trị ở Việt Nam cũng sẽ ảnh hưởng đến an ninh ở phía tây nam của Trung Quốc. Vì có những mối liên hệ trực tiếp về an ninh và lợi ích như vậy, cho nên, ngay khi chiến tranh thế giới đang tiếp diễn, chính phủ Quốc dân Trung Hoa Dân Quốc (dưới đây gọi tắt là Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc) đã quan tâm đến tương lai chính trị của Việt Nam thời hậu chiến.

Sau khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ (cuối năm 1941), cuộc chiến chống Nhật ở chiến trường Châu Á - Thái Bình Dương chủ yếu do Mỹ, Anh và Trung Quốc cùng đảm nhiệm. Khi phân chia khu vực tác chiến, Việt Nam bị quy vào phạm vi tác chiến thuộc chiến trường Trung Quốc, do Tưởng Giới Thạch làm thống soái. Với tư cách là một quốc gia trong khối Đồng minh chống phát xít, Trung Hoa Dân Quốc đã thể hiện quan điểm liên quan

đến vận mệnh các dân tộc bị áp bức ở Châu Á, cũng như trật tự ở Châu Á sau chiến tranh. Đối với vấn đề Việt Nam, thoạt đầu Tưởng Giới Thạch chủ trương “Trung Quốc sẽ đảm đương vai trò ‘anh cả’, sau chiến tranh sẽ tự mình đảm trách thác quản Việt Nam và trợ giúp Việt Nam được hoàn toàn độc lập” (Dẫn theo: Luo Min (罗敏), 2015: 81). Tháng 8/1943, trong thời gian viếng thăm Anh quốc, Bộ trưởng Ngoại giao Song Ziwen (Tống Tử Văn) khẳng định: “Trong quan hệ với Việt Nam (...) Trung Quốc quyết không vì Trung - Việt từng có quan hệ huyết thống mà có ý can thiệp để tranh lợi ích” (Dẫn theo: Luo Min (罗敏), 2015: 81). Sau đó, tại cuộc gặp với Tổng thống Mỹ Roosevelt ở Cairo (Ai Cập) tháng 11/1943, Tưởng lại chủ trương nền độc lập của Việt Nam hậu chiến sẽ “do Trung Quốc và Mỹ phù trợ” (Luo Min (罗敏), 2015: 112). Tất nhiên, nước Việt Nam độc lập mà chính quyền Tưởng “bảo trợ” sẽ do một chính phủ chống Cộng và thân Hoa nắm giữ. Việc chính quyền Tưởng bảo trợ cho các tổ chức người Việt lưu vong ở Hoa Nam chính là để phục vụ cho mục đích này. Tuy nhiên, vào giai đoạn cuối chiến tranh, Trung Hoa Dân Quốc lại điều chỉnh lập trường: từ chủ trương Trung Quốc và Mỹ cùng bảo trợ nền độc lập của Việt Nam chuyển sang đồng ý để Pháp trở lại Việt Nam. Sự thay đổi này xuất phát từ cục diện quốc tế khi Chiến tranh thế giới thứ hai đang đi đến kết thúc. Mỹ đã có sự điều chỉnh chiến lược ở Viễn Đông theo hướng tranh thủ Liên Xô tham gia

vào cuộc chiến chống Nhật. Tại hội nghị Yalta tháng 2/1945, Liên Xô đã đồng ý tham chiến chống Nhật với điều kiện được đảm bảo một số quyền lợi ở Châu Á. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc trật tự Châu Á thời hậu chiến sẽ không còn do Mỹ, Anh, Trung Quốc giữ vai trò chủ đạo như tinh thần của hội nghị Cairo năm 1943. Thêm vào đó, khi vị thế quốc tế của nước Pháp bắt đầu phục hồi, chính quyền mới của Pháp (Chính phủ De Gaulle) đã thể hiện tham vọng tái lập sự thống trị ở Đông Dương. Tham vọng của Pháp được Anh ủng hộ vì Anh cũng có lợi ích thuộc địa giống như Pháp. Mỹ từ chỗ phản đối Pháp trở lại Đông Dương và chủ trương đặt Đông Dương dưới sự “ủy trị quốc tế”, dần chuyển sang lập trường không phản đối Pháp quay trở lại thuộc địa. Trung Hoa Dân Quốc, tuy là một nước lớn trong khối Đồng minh chống phát xít, nhưng vì thực lực yếu kém nên hầu như không có tiếng nói đáng kể trong việc xác lập trật tự quốc tế hậu chiến. Mặt khác, Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc phải giữ quan hệ tốt với các cường quốc phương Tây để đảm bảo các lợi ích về chính trị, kinh tế. Vì thế, lập trường của chính quyền Tưởng Giới Thạch đối với vấn đề Việt Nam cũng dần ngả theo các nước phương Tây. Tuy nhiên “nhằm tạo dựng hình ảnh cường quốc ở Đông Á và gây hiệu quả tuyên truyền trong dư luận”, ngày 24/8/1945 Tưởng Giới Thạch vẫn tuyên bố: “niềm hi vọng của chúng tôi là dân tộc Việt Nam có thể từ tự trị dần đạt đến độc lập, nhằm thực hiện

những quy định của Hiến chương Đại Tây Dương” (Luo Min (罗敏), 2015: 47). Thế nhưng, vì “muốn tranh thủ Pháp và đằng sau là các cường quốc Mỹ, Anh, về nguyên tắc Trung Quốc đồng ý giao Bắc Việt Nam lại cho Pháp” (Luo Min (罗敏), 2015: 47).

Tuy nhiên, cần nói thêm là chủ trương đối với vấn đề Việt Nam trong nội bộ chính quyền Trung Hoa Dân Quốc cũng không hoàn toàn thống nhất. Một bộ phận (chủ yếu là các tướng lĩnh trong quân đội) lại phản đối việc Pháp quay lại Việt Nam, chủ trương “phù trợ Việt Nam độc lập” nhằm gây dựng ảnh hưởng, thiết lập ở Việt Nam một chính phủ chống Cộng và thân Hoa. Sự không thống nhất này thể hiện rõ khi quân đội Trung Hoa Dân Quốc kéo vào trú đóng ở Việt Nam để giải giáp quân Nhật.

3. NHỮNG ĐỘNG THÁI CỦA TRUNG HOA DÂN QUỐC TRONG THỜI GIAN QUÂN ĐỘI TRUNG QUỐC VÀO VIỆT NAM GIẢI GIÁP QUÂN NHẬT (1945-1946)

Cuối tháng 8/1945, quân đội Trung Hoa Dân Quốc do tướng Lu Han (Lư Hán) làm tổng chỉ huy bắt đầu kéo vào Việt Nam. Về mặt quân sự, Tổng bộ Lục quân của chính phủ Trung Hoa Dân Quốc đã định ra một số biện pháp khi vào Việt Nam giải giáp quân Nhật, bao gồm: “tiếp nhận quân Nhật đầu hàng, tước vũ khí và buộc (các quân nhân - NTT) phải quay về Nhật; tổ chức chính quyền quân sự để quản lý việc dân chính; Quân Pháp trú ở Vân Nam (đây là toán quân Pháp chạy

sang Vân Nam khi Nhật tiến hành đảo chính ở Đông Dương ngày 9/3/1945 - NTT) ở nguyên vị trí đợi lệnh, không được phép vào Việt Nam, nếu có cá nhân tự nguyện trở lại Việt Nam, tất phải tước vũ khí” (Wu Chao, Zhao Xiaolan (吴潮, 赵晓兰), 1995: 01).

Ngoài các đơn vị quân đội ra, chính phủ Trung Hoa Dân Quốc còn cử một Đoàn cố vấn thuộc Hành chính viện sang Việt Nam (行政院越南顾问团). Đoàn cố vấn này gồm các đại diện của 6 Bộ trong chính phủ Trung Hoa Dân Quốc và một đại diện của Đảng bộ Trung ương⁽²⁾. Đây là cơ quan cao nhất về hành chính của Trung Hoa Dân Quốc trú đóng ở Hà Nội bên cạnh cơ quan quân sự. Ngày 15/9/1945, Hành chính viện họp với Đoàn cố vấn và đưa ra 14 nguyên tắc hoạt động cho quân đội Trung Quốc ở Việt Nam; trong đó có một số nguyên tắc đề cập đến quan hệ với phía Pháp, cụ thể: phía Trung Quốc sẽ thông báo cho phía Pháp số quân quá cảnh và trong khu vực trú phòng nếu cần (nguyên tắc thứ hai); mời phía Pháp phái đại biểu tham dự lễ tiếp nhận (quân Nhật) đầu hàng và tổ chức một đoàn đại biểu trợ giúp Bộ tư lệnh quân Trung Quốc trú đóng ở Việt Nam trong công tác tiếp thu tài sản và cung ứng vật tư (nguyên tắc thứ 6); vấn đề lưu thông đồng tiền của Nhật và việc sử dụng tiền tệ của đội quân trú đóng của Trung Quốc sẽ do Bộ Ngoại giao và Bộ Tài chính thương thảo với phía Pháp để đưa ra biện pháp giải quyết (nguyên tắc thứ 9); đại diện phía Pháp giao cho các cơ quan

hiện có tại Việt Nam phụ trách việc cung ứng lương thực, than đá và phương tiện vận chuyển cho quân đội Trung Quốc trú đóng, biện pháp thanh toán sẽ do Bộ Ngoại giao và phía Pháp thương lượng (nguyên tắc thứ 10); đối với những nhân viên hành chính của Pháp trở lại Việt Nam, phía Pháp phải đưa toàn bộ danh sách để Bộ tư lệnh quân trú đóng Trung Quốc điều tra rõ. Bộ Tư lệnh phải cự tuyệt, không cho nhập cảnh đối với những người Pháp trước đây đã từng có hành vi thù địch với chính phủ Trung Quốc hoặc giết hại kiều dân Trung Quốc (nguyên tắc thứ 12); đối với quan hệ Pháp - Việt, nguyên tắc thứ 13 chỉ rõ: “giữ nghiêm thái độ trung lập, không can dự” (Zhu Xie (朱偰), 2017: 6). Đáng chú ý là, trong bản chỉ thị 14 nguyên tắc này, Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc không một chữ nào nhắc đến việc giao thiệp với phía Việt Nam.

Qua 14 nguyên tắc chỉ thị hoạt động của quân đội Trung Quốc ở Việt Nam, có thể thấy Chính phủ Tưởng Giới Thạch vẫn xem Pháp mới là đối tượng giao thiệp chính của họ, các biện pháp và cách xử trí vấn đề đều thương thảo với Pháp. Zhu Xie (Chu Tiết - 朱偰) – một trong những thành viên của Đoàn cố vấn - đã bày tỏ sự thất vọng đối với nội dung của chỉ thị. Ông cho rằng 14 nguyên tắc này “quá là tiêu cực, toàn bộ xuất phát điểm, đều lấy việc giao trả Việt Nam cho nước Pháp làm tiền đề...” (Zhu Xie (朱偰), 2017: 6). Mặt khác, nội dung bản nguyên tắc cũng cho thấy Chính phủ Trùng Khánh

chưa nắm rõ nội tình của Việt Nam. Trên đường sang Việt Nam, Zhu Xie đã gặp tướng Chen Xiuhe (Trần Tu Hòa) (vừa trở về từ Hà Nội) tại Côn Minh và nghe tướng Chen thuật lại tình hình Việt Nam như sau:

Đảng Việt Minh⁽³⁾ đã thành lập Chính phủ lâm thời, vua Bảo Đại làm cố vấn cấp cao, bày tỏ ủng hộ nền độc lập;

Người Việt rất căm thù người Pháp, khắp các đường phố đều treo cờ các nước Đồng minh và cờ đỏ sao vàng của Việt Nam, không ai dám treo cờ Pháp;

Người Pháp vẫn ở trong các nơi tập trung, do người Nhật bảo vệ, không dám ra bên ngoài, nếu không thì sẽ gặp nguy hiểm đến tính mạng (...) (Zhu Xie (朱偰) 2017: 8).

Sau khi nắm bắt sơ bộ tình hình Việt Nam qua cuộc nói chuyện với Chen Xiuhe, Zhu Xie cho rằng tình hình thực tế “có khoảng cách khá lớn với chỉ thị 14 nguyên tắc của Hành chính viện” (Zhu Xie (朱偰), 2017: 8). Ngày 22/9/1945, Zhu Xie gặp Lu Han tại Hà Nội. Chủ trương của Lu Han là “chiếm đóng lâu dài, phù trợ Việt Nam độc lập, do Trung Quốc thác quản” (Zhu Xie (朱偰), 2017: 12-13). Vì vậy, ông ta cũng cho rằng chỉ thị 14 nguyên tắc của Hành chính viện “không phù hợp với tình hình thực tế” (Zhu Xie (朱偰), 2017: 13).

Như vậy, khi đưa quân vào Việt Nam, giữa Tổng bộ Lục quân và Hành chính viện của Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc đã có chủ trương không thống nhất với nhau liên quan đến vấn đề

độc lập của Việt Nam. Hành chính viện vẫn theo chủ trương giao Việt Nam lại cho Pháp. Trong khi đó, phía các tướng lĩnh (trực tiếp là Bộ Tư lệnh quân Trung Quốc trú đóng ở Việt Nam) lại chủ trương chiếm đóng lâu dài, phù trợ Việt Nam “độc lập”, do một chính quyền thân Hoa nắm giữ. Khi sang Hà Nội, trước thực tế Việt Nam đã tuyên bố độc lập, Lu Han phải từ bỏ kế hoạch lập chính quyền quân sự theo phương án của Tổng bộ Lục quân, chỉ thành lập Bộ Tư lệnh quân đội trú đóng. Đối với Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, các tướng lĩnh của Tưởng “thấy Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thành lập, Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân, đã kiểm soát được tình hình Việt Nam, họ không thể không thừa nhận và giao thiệp với Chính phủ Việt Nam do Hồ Chí Minh đứng đầu” (Huang Zheng (黄铮) 1987: 114).

Tuy nhiên, sự giao thiệp này không hoàn toàn là sự giao thiệp với chính phủ của một quốc gia độc lập, có chủ quyền. Ngày 28/9/1945 (ngày quân đội Trung Quốc tổ chức lễ tiếp nhận sự đầu hàng của quân Nhật tại phủ Toàn quyền Đông Dương ở Hà Nội), tướng Lu Han đã ra bản “*Tuyên cáo của Bộ Tư lệnh Đệ nhất phương diện quân thuộc lục quân Trung Quốc*” (bằng cả Trung văn và Việt văn) và dán ở khắp các đường phố chính của Hà Nội:

“Bản Tư lệnh hiện thừa hành mệnh lệnh của Bộ Thống soái tối cao quân

Đồng minh, thống suất quân đội Trung Quốc vào Việt Nam để tiếp nhận sự đầu hàng của quân xâm lược Nhật Bản, tước vũ khí và giải tán quân Nhật. Quân đội Trung Quốc không phải là kẻ chinh phục và áp bức Việt Nam, mà là bạn và là người giải phóng nhân dân Việt Nam.

Tất cả việc giám sát về hành chính và quản lý về quân sự ở Việt Nam từ bắc vĩ tuyến 16 đều do Bản Tư lệnh phụ trách (...) Đối với những ý đồ và hành vi phá hoại trật tự, Bản Tư lệnh sẽ dùng pháp luật ngăn chặn, đối với những kẻ phá hoại, bất luận thuộc chủng tộc và tôn giáo nào, cũng đều sẽ bị nghiêm trị.

Đối với lương dân đang làm những nghề nghiệp chính đáng, tầm cầu lợi ích hợp pháp, tín phụng các tôn giáo, bất luận thuộc quốc tịch nào, đều được Bản Tư lệnh bảo vệ. Toàn thể nhân dân nên phục tùng mệnh lệnh mà bản tư lệnh đã ban bố, tuân thủ pháp luật hiện hành, đồng thời thiết thực hợp tác với quân đội Trung Quốc...” (Zhu Xie (朱楔), 2017: 22-23).

Nội dung bản tuyên cáo cho thấy Lu Han gần như bất chấp một sự thật là Việt Nam đã trở thành một nước độc lập. Ông ta không đề cập gì đến sự hợp tác với chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong việc giữ gìn an ninh trật tự. Đầu tháng 10/1945, khi sang Hà Nội thị sát, Tổng Tư lệnh Lục quân Trung Hoa Dân Quốc He Ying Qin (Hà Ứng Khâm) đã họp với các tướng lĩnh ở đây và đưa ra quyết nghị gồm 12 điểm. Trong đó, điểm thứ 12

nêu rõ “Thái độ đối với Chính phủ lâm thời của Việt Nam tất phải thận trọng, nên giữ lập trường hữu hảo nhưng không được trao đổi công văn chính thức, việc giao thiệp tốt nhất là dùng bị vong lục không đầu không đuôi”⁽⁴⁾ (Zhu Xie (朱偰), 2017: 31). Trong hồi ức *Những năm tháng không thể nào quên*, Đại tướng Võ Nguyên Giáp từng nhận xét: “Chúng (các tướng lĩnh của Tưởng - NTT) coi chính quyền ta là một chính quyền chỉ tồn tại trên thực tế, không phải là một chính quyền tồn tại về pháp lý” (Võ Nguyên Giáp, 2001: 69). Không những thế, các tướng lĩnh của Tưởng còn gây khó khăn và áp lực cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. “Hầu như đêm nào cũng có thư của bọn tướng tá quân đội Tưởng gửi cho chính quyền ta, khi thì hạch sách khi thì dọa dẫm” (Võ Nguyên Giáp 2001: 57). Dù vậy, trước thực tế tình hình và sách lược ngoại giao khéo léo của Hồ Chủ tịch, các tướng lĩnh của Tưởng như Lu Han, Xiao Wen... cũng dần thay đổi thái độ, tỏ ra hòa dịu hơn khi giao thiệp với Chính phủ cụ Hồ. Lu Han thậm chí còn tuyên bố: “Nước Việt Nam căn bản là của người Việt Nam. Cứ ý riêng tôi, tôi rất biểu đồng tình với sự phản kháng oanh liệt của nhân dân Việt Nam trong Nam Bộ” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, 1995: 128).

Trong giao thiệp giữa Bộ Tư lệnh quân Tưởng ở Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vấn đề căng thẳng, phức tạp nhất là vấn đề liên quan đến hai tổ chức thân Hoa: Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc) và

Việt Nam Cách mạng đồng minh hội (Việt Cách). Sự thực là chính quyền Tưởng Giới Thạch “trong lúc phải đối phó với cộng sản trong nước, không muốn có một chính phủ Cộng sản ở giáp biên giới phía nam Trung Quốc” (Lưu Văn Lợi, 1996: 45). Họ “sợ Việt Minh là Cộng sản và sợ Cộng sản Đông Dương liên minh với Cộng sản Tàu xích hóa Hoa Nam” (Văn kiện Đảng toàn tập, 2000, tập 8: 25). Cái họ muốn là Việt Nam phải có một chính quyền phi cộng sản và thân Hoa. Cho nên, một mặt họ vẫn giao thiệp với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, song mặt khác lại dung dưỡng hai tổ chức Việt Cách và Việt Quốc. Khi theo chân quân đội Trung Quốc về Việt Nam, hai tổ chức này “ỷ thế có lực lượng vũ trang, lại có quan hệ mật thiết với Quốc dân đảng Trung Quốc, nên phản đối chính quyền Việt Minh kịch liệt, khiến cho hai bên không ngừng nổi ra xung đột vũ trang” (Luo Min (罗敏), 2015: 49). Mặc dù Tưởng Giới Thạch đã chỉ thị cho Lu Han “không can thiệp đối với (sự tranh chấp giữa) các đảng phái người Việt” (Luo Min (罗敏), 2015: 49), nhưng do yêu cầu phải ổn định tình hình, Bộ chỉ huy quân đội Trung Hoa Dân Quốc ở Việt Nam vẫn đứng ra “dàn xếp”. Bề ngoài họ dàn xếp để các bên “hợp tác”, song thực tế là ép Chính quyền Việt Minh phải nhượng bộ đối với Việt Quốc và Việt Cách. Tướng Chen Xiuhe đã thay mặt cho Bộ tư lệnh quân đội Trung Quốc đến gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu “tạm hoãn tổng tuyển cử hai tuần để tiện cho vấn đề

hiệp thương tuyển cử giữa các đảng phái” (Huang Zheng (黄铮), 1987: 116). Dưới sự “chống lưng” của quân Tưởng, các thành viên của Việt Quốc, Việt Cách đã giành được một số vị trí trong Quốc hội và Chính phủ (không qua tuyển cử). Nhà nghiên cứu Trung Quốc Luo Min (La Mẫn) đã nhận định: “Dưới sự phù trợ của Trung Quốc, hai tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam cách mạng đồng minh hội thân Hoa đã giành được địa vị tương đối trong Quốc hội và Chính phủ Việt Nam mới thành lập” (Luo Min (罗敏), 2015: 53). Tuy nhiên, cần phải nói thêm là, giữa các cơ quan của Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc trú đóng ở Việt Nam, giữa các tướng lĩnh của Tưởng cũng không thống nhất về việc ủng hộ Việt Quốc và Việt Cách. Nếu như Lu Han, Xiao Wen, Chen Xiuhe chủ trương hạn chế bớt những hành động quá khích của hai tổ chức này thì các nhân vật khác như Xing Senzhou (Hành Sâm Châu)⁽⁵⁾, Wu Tiecheng (Ngô Thiết Thành)⁽⁶⁾ lại tỏ thái độ hết sức bênh vực. Ngày 12/11/1945, trong cuộc mít tinh kỷ niệm ngày sinh của Tôn Trung Sơn ở Hà Nội, người cầm đầu tổ chức Việt Cách Nguyễn Hải Thần (Ruan Haishen) đã hô to khẩu hiệu “đánh đổ Đảng Cộng sản Việt Nam”. Sự mạnh động của Nguyễn Hải Thần đã dẫn đến xung đột giữa Việt Cách và lực lượng Việt Minh. Sau sự kiện này, Xiao Wen và Chen Xiuhe chủ trương đưa Nguyễn Hải Thần về Trung Quốc “xử phạt nghiêm” và cử người khác phụ trách Việt Cách. Xing Senzhou kiên quyết phản đối và điện

khẩn cho Wu Tiecheng: “Ruan Haishen (Nguyễn Hải Thần) là tiền bối của cách mạng Việt Nam, theo Tổng tài (tức Tưởng Giới Thạch – NTT) đã nhiều năm... Phát biểu diễn thuyết đòi xóa bỏ Đảng Cộng sản Việt Nam của ông ta về lý luận không có gì sai trái, nếu chúng ta đối xử như vậy tất dẫn đến sự bất mãn của các đảng phái Việt Nam (tức các đảng phái thân Hoa – NTT)” (Dẫn theo: Luo Min (罗敏), 2015: 51). Wu Tiecheng tỏ ý đồng tình, thậm chí ông ta còn đề nghị Tưởng Giới Thạch triệu hồi Xiao Wen về nước.

Bên cạnh việc ủng hộ Việt Quốc, Việt Cách, thái độ của Trung Hoa Dân Quốc đối với Việt Nam còn thể hiện rõ qua việc xúc tiến đàm phán với Pháp. Như đã đề cập ở trên, về cơ bản, chủ trương của chính quyền Tưởng Giới Thạch là tán đồng việc Pháp trở lại Việt Nam. Ngày 10/9/1945, trước khi hội kiến với Bộ trưởng Ngoại giao Pháp, Bộ trưởng Ngoại giao Wang Shijie (Vương Thế Kiệt) (đảm nhiệm chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao thay Song Ziwen (Tống Tử Văn) từ tháng 7/1945 – NTT) đã thỉnh thị ý kiến Tưởng Giới Thạch về các lợi ích tại Việt Nam mà Trung Quốc yêu cầu Pháp đáp ứng: (1) Chuyển cho Trung Quốc sở hữu đoạn nằm trên lãnh thổ Trung Quốc tuyến đường sắt Vân Nam - Hải Phòng để bồi thường cho những tổn thất của Trung Quốc tại Việt Nam; (2) Hoa kiều ở Việt Nam được hưởng tối huệ quốc hoặc được đãi ngộ giống như người Pháp; (3) Miễn thuế đối với hàng hoá Trung

Quốc đi qua tuyến đường sắt Vân Nam - Hải Phòng; (4) cảng Hải Phòng thành cảng tự do (Luo Min (罗敏), 2015: 116). Tưởng đã đồng ý với 4 điều kiện giao thiệp này. Ngày 19/9/1945, Tưởng gửi điện lệnh cho Ngoại trưởng Vương và Đại sứ Trung Quốc tại Pháp chính thức thông báo rằng phía Trung Quốc “quyết không cản trở quân đội Pháp quay lại Việt Nam, xin Chính phủ Pháp yên tâm” (Dẫn theo: Luo Min (罗敏), 2015: 116). Sau những cuộc tranh cãi và mặc cả căng thẳng, ngày 28/2/1946, Hiệp ước Pháp - Hoa đã được ký tại Trùng Khánh. Với hiệp ước này, hai bên ký kết đều đạt được mục đích của mình, còn dân tộc Việt Nam thì phải tiếp tục cuộc đấu tranh gian khổ để bảo vệ nền độc lập của mình.

Từ những phân tích nêu trên, có thể thấy chủ trương và những hoạt động của Trung Hoa Dân Quốc đối với Việt Nam trong thời gian quân đội Trung Quốc vào giải giáp Nhật nổi lên mấy vấn đề sau:

Thứ nhất, đây là sự tiếp nối chủ trương mà chính quyền Tưởng Giới Thạch đã đưa ra khi Thế chiến hai sắp kết thúc: giao Việt Nam lại cho Pháp. Khi quân đội Trung Quốc vào Việt Nam thì Hành chính viện của Chính phủ Quốc dân chỉ thị “giữ trung lập trong quan hệ Pháp - Việt”. Song thực tế, Trung Hoa Dân Quốc đã lợi dụng việc quân đội của họ trú đóng ở Việt Nam làm quân bài thỏa hiệp, mặc cả với Pháp. Điểm điểm của thỏa hiệp đó chính là bản hiệp ước Pháp - Hoa

28/2/1946. Thực tế này đã cho thấy cái gọi là “sự ủng hộ của Trung Hoa Dân Quốc đối với nền độc lập của Việt Nam” chỉ là những tuyên bố bằng lời nói chứ không có giá trị thực tế. Trung Hoa Dân Quốc hoàn toàn không “chân thành ủng hộ Việt Nam độc lập” như nhận xét của nhà nghiên cứu nước ngoài nói trên.

Thứ hai, trong nội bộ chính quyền Tưởng không hoàn toàn thống nhất về vấn đề Việt Nam. Giữa bên ngoại giao và bên quân sự, giữa Chính phủ trung ương ở Trùng Khánh và các tướng lĩnh của Tưởng phụ trách việc đưa quân vào Việt Nam có sự khác biệt nhất định về quan điểm. Nếu như chính phủ Trùng Khánh chủ trương “giao trả Việt Nam” cho Pháp, thì các tướng lĩnh của Tưởng lại tỏ thái độ “cứng rắn” hơn đối với tham vọng tái lập ách thống trị của Pháp ở Việt Nam. Tất nhiên, thái độ “cứng rắn” này nhằm bảo vệ quyền lợi của Trung Quốc là chính. Song, khách quan mà nói, trong chừng mực nào đó nó cũng có mặt tích cực, phần nào đó đã “kiềm chế chủ trương của Chính phủ Paris sớm khôi phục sự kiểm soát Đông Dương” (Nguyễn Đình Bin, 2015: 56).

Thứ ba, trước thực tế Việt Minh đã giành được chính quyền và được nhân dân ủng hộ, thêm vào đó là sách lược ngoại giao khéo léo của Hồ Chủ tịch, các tướng lĩnh của Tưởng buộc phải thay đổi phương châm, chấp nhận hợp tác với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Song mặt khác,

họ vẫn nâng đỡ cho các tổ chức như Việt Quốc, Việt Cách để người của hai tổ chức này có thể tham gia vào chính quyền. Hai tổ chức này đã dựa vào quân Tưởng để chống phá chính quyền cách mạng, đòi cách mạng phải nhượng bộ các quyền lợi chính trị, gây nên tình trạng xung đột, căng thẳng. Khi đứng ra “điều giải”, Bộ chỉ huy quân đội Trung Quốc đã gây sức ép để Chính quyền Việt Minh phải chia sẻ các vị trí trong Quốc hội và Chính phủ cho người của Việt Quốc và Việt Cách. Như vậy, các tướng lĩnh của Tưởng đã có sự can thiệp khá sâu vào nội trị của Việt Nam, làm cho tình hình chính trị ở Việt Nam lúc này thêm khó khăn, phức tạp. Đây cũng không phải là điều “cực kỳ có lợi cho sự đoàn kết đối ngoại của Việt Nam” như tác giả nước ngoài nói trên đã đánh giá.

Thứ tư, chủ trương của chính quyền Trung Hoa Dân Quốc đối với Việt Nam trong thời gian này cũng không hoàn toàn mang tính chủ động. Trên thực tế, nó bị chi phối bởi quan hệ của Trung Hoa Dân Quốc với các cường quốc phương Tây như Mỹ, Anh và Pháp; bởi cuộc chiến chống lại Đảng Cộng sản Trung Quốc; bởi những mâu thuẫn phe phái ngay trong nội bộ chính quyền Tưởng; bởi thực tế tình hình chính trị ở Việt Nam. Điều đó giải thích vì sao trong thời gian đưa quân vào Việt Nam, thái độ của chính quyền Tưởng đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khá phức tạp, vừa không chính thức thừa nhận, gây sức ép về

chính trị, quân sự song cũng phải chấp nhận hợp tác.

4. KẾT LUẬN

Có thể nói, trong thời gian đưa quân vào Việt Nam tiếp nhận sự đầu hàng của quân Nhật, Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc đã có những chủ trương và hành động cho thấy thái độ thực sự của họ đối với vấn đề độc lập của Việt Nam. Nhìn chung, các động thái chính trị của Trung Hoa Dân Quốc đối với Việt Nam không thực sự thống nhất và có phần mâu thuẫn, nó xuất phát từ lợi ích của phía Trung Quốc và từ lập trường chống cộng sản của họ. Vì thế, nó đã gây những tác động tiêu cực đến tình hình Việt Nam lúc bấy giờ.

Trước những chủ trương phức tạp, có phần mâu thuẫn đối với Việt Nam của chính quyền Tưởng Giới Thạch, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thi hành một chính sách ngoại giao hết sức mềm dẻo. Đối với chính phủ Trung Hoa Dân Quốc cũng như quân đội Trung Quốc trú đóng ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thể hiện thái độ thân thiện và tích cực hợp tác. Chính phủ Việt Nam chủ trương hòa hoãn, đáp ứng một số yêu sách của quân đội Tưởng Giới Thạch nhưng trên nguyên tắc “không nhượng bộ về vấn đề độc lập của Việt Nam”. Sách lược ngoại giao sáng suốt ấy đã đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua một giai đoạn lịch sử đầy sóng gió. □

CHÚ THÍCH

- (1) Cuối tháng 8/1945, quân đội Tưởng Giới Thạch bắt đầu kéo vào Việt Nam. Theo thỏa thuận giữa Trung Quốc và Pháp, quân đội Tưởng sẽ triệt thoái khỏi Việt Nam vào cuối tháng 3/1946. Tuy nhiên, phải đến tháng 9/1946, quân Tưởng mới hoàn thành việc rút quân.
- (2) Đại diện của 6 Bộ gồm: Zhu Xie (朱偰) đại diện Bộ Tài chính, Ling Qihan (凌其翰) đại diện Bộ Ngoại giao, Shao Baichang (邵百昌) đại diện Bộ Quân chính, Zhuang Zhihuan (庄智焕), đại diện Bộ Kinh tế, Zheng Fangheng (郑方珩) đại diện Bộ Giao thông, Ma Xanrong (马灿荣) đại diện Bộ Lương thực. Đại diện của Đảng bộ Trung ương là Xing Senzhou (邢森洲).
- (3) Chen Xiuhe (Trần Tu Hòa) làm tướng Việt Minh là một Đảng. Trong “Thư gửi tướng Trần Tu Hòa” ngày 19/12/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích cho tướng Trần hiểu: “Việt Nam độc lập đồng minh, không phải là một đảng mà là một Mặt trận toàn dân...” (Hồ Chí Minh. 1995. *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 117).
- (4) Nguyên văn: 无头无尾 (vô đầu vô vĩ), có thể hiểu là dùng bị vong lục không ghi chức danh của hai bên, hàm ý là Chính quyền Tưởng không công nhận chính thức tính pháp lý của Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- (5) Xing Senzhou (邢森洲): đại diện của Đảng bộ Trung ương Quốc dân đảng trong Đoàn cố vấn.
- (6) Wu Tiecheng (吴铁城): Bí thư trưởng Đảng bộ trung ương Quốc dân đảng, Bộ trưởng Bộ Hải ngoại của chính quyền Tưởng Giới Thạch.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Đảng Cộng sản Việt Nam. 2000. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 8. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Hồ Chí Minh. 1995. *Toàn tập*, tập 4. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Huang Zheng (黄铮). 1987. *Hồ Chí Minh và Trung Quốc* (胡志明与中国. 北京): Bắc Kinh: Nxb. Giải phóng quân (解放军出版社).
- Luo Min (罗敏). 2015. *Quốc dân đảng Trung Quốc và phong trào độc lập của Việt Nam* (中国国民党与越南独立运动). Bắc Kinh: Nxb. Tài liệu khoa học xã hội (北京: 社会科学文献出版社).
- Lưu Văn Lợi. 1996. *Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam 1945-1995, tập 1: Ngoại giao Việt Nam 1945-1975*. Hà Nội: Nxb. Công an Nhân dân.
- Nguyễn Đình Bin (chủ biên). 2015. *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật.
- Võ Nguyên Giáp. 2001. *Những năm tháng không thể nào quên (Hồi ức)*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
- Wu Chao, Zhao Xiaolan (吴潮, 赵晓兰). 1995. “Thuật bình vấn đề quân đội Trung Quốc vào Việt Nam tiếp nhận [quân Nhật] đầu hàng sau cuộc kháng chiến [chống Nhật] thắng lợi” (“抗战胜利后中国军队入越受降问题述评”). Đông Nam Á tung hoành, kỳ 01 (东南亚纵横, 第一期). <http://kns.cnki.net/KCMS/detail/detail.aspx?dbcode=CJFQ&dbname=CJFD9495&filename=DLYZ199501000&v=MjQ1NDBJU0hTZEXLeEY5VE1ybzlGWkISOGVYMUx1eFITN0RoMVQzcVRyV00xRnJDVVJMS2ZaT1J2RkN2bVZyckw=> (truy cập ngày 2/8/2017).

9. Zhao Weihua (赵卫华). 2015. “Diễn biến trong chính sách của Chính phủ Quốc dân đối với phong trào độc lập của Việt Nam thời kỳ kháng chiến” (“抗战时期国民政府对越南独立运动政策的嬗变”). *Tạp chí Cầu Sách* (求是). <http://kns.cnki.net/KCMS/detail/detail.aspx?dbcode=CJFQ&dbname=CJFD9495&filename=DLYZ199501000&v=MjQ1NDBJU0hTZExLeEY5VE1ybzlGWkISOGVYMUx1eFITN0RoMVQzcVRyV00xRnJDVVJMS2ZaT1J2RkN2bVZyckw=> (truy cập ngày 31/7/2017).
10. Zheng Rong (峥嵘). 2007. “Đầu đuôi việc quân đội Trung Quốc vào Việt Nam tiếp nhận [quân Nhật] đầu hàng năm 1945” (“一九四五年中国军队入越受降始末”). *Tạp chí Chung Sơn phong vũ*, kỳ 5 (钟山风雨, 第五期). <http://kns.cnki.net/KCMS/detail/detail.aspx?dbcode=CJFQ&dbname=CJFD2007&filename=FYZS200705005&v=MzAwMTk4ZVgxTHV4WVM3RGgxVDNxVHJXTTFGckNVUkxLZlpPUmZGQ3ZuVkwvQUI6VFJmYkc0SHRiTXFvOUZZWVI=>. Truy cập ngày 31/7/2017.
11. Zhu Xie (朱偰). 2017. *Việt Nam thụ hàng nhật ký* (越南受降日记). Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục (北京: 中华书局).